

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2020/DS-PT  
Ngày 16 – 3 – 2020  
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập  
Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan  
Ông Phạm Việt Trung
- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2020/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 154/2019/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N1, sinh năm 1952 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm 6, thị t, huyện Đ, tỉnh C .

- Bị đơn: Bà Phạm Mỹ N2, sinh năm 1962

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C .

Đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của bà N2: Anh Hồ Vũ Ph, sinh năm 1980; địa chỉ: Khóm 4, phường 9, thành phố C (Văn bản uỷ quyền ngày 12/3/2020), (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Đầm D (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện Đ, tỉnh C .

2. Ông Lâm Thanh B1 (Vắng mặt).

3. Anh Lâm Vũ E (Vắng mặt).

4. Chị Lâm Thanh T (Lâm Thị Thanh T), sinh năm 1988 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 6, thị t, huyện Đ, tỉnh C ..

5. Ông Huỳnh Tuấn K, sinh năm 1950 (Có mặt).

6. Anh Huỳnh Vũ P (Vắng mặt)

7. Chị Nguyễn Thị B2, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

- Người kháng cáo: Bà Phạm Mỹ N2, là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Bà Phạm Thị N1 trình bày:*

Nguồn gốc đất bà được thừa kế từ cha mẹ bà. Sau khi cha mẹ bà chết (cách nay khoảng 40 năm) bà là người thừa kế quản lý sử dụng; sau đó bà có gia đình đi nơi khác sinh sống để lại phần đất trên cho ông Phạm Văn Ôi là em ruột quản lý sử dụng. Khoảng 4 năm sau bà quay về canh tác sử dụng, đến ngày 06/8/2003 được cấp quyền sử dụng đất diện tích 2.616m<sup>2</sup>. Về thủ tục đo đạc cấp quyền sử dụng, bà không nhớ có tứ cận ký giáp ranh hay không nhưng có trưởng ấp chứng kiến và cán bộ địa chính đo đạc, hai bên đều có bờ để phân chia ranh giới. Năm 2017, bà yêu cầu địa chính huyện đo đạc lại đất của bà để cắm cột mốc mặt tiền và hậu đất thì giữa bà và bà N2 xảy ra tranh chấp, vì bà N2 cho rằng ông Nguyễn Hồng Lạc là hộ giáp ranh chuyển nhượng cho bà N2 mặt tiền diện tích là 13m, mặt hậu 19m. Tuy nhiên, theo bà biết thì ông Lạc chuyển nhượng cho bà N2 mặt tiền chỉ có 9m, mặt hậu là 13m. Khi bà N2 nhận chuyển nhượng phần đất của ông Lạc thì trong quá trình bà N2 thực hiện các thủ tục cấp quyền sử dụng bà không biết vì bà N2 không mời bà ký hộ giáp ranh. Đối với phần đất mặt tiền của bà (nay giáp lộ xe Đầm Dơi - Cà Mau) từ trước đến nay bà không đo đạc nên không biết bao nhiêu mét, riêng mặt hậu dài 17m ngang. Hiện nay tại phần đất tranh chấp có một cột mốc nhưng bà không biết do ai cắm. Tại vị trí nền nhà của bà N2 hiện nay, trước đây là con kênh 16 nhưng do quá trình sử dụng bà N2 đã lấp lại nên diện tích đất của bà N2 là dư so với quyền sử dụng được cấp. Nay bà N1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N2 phải trả cho bà diện tích đất ngang mặt tiền 4m, dài 19m, tổng diện tích là 76m<sup>2</sup> và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Mỹ N2.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N1 có thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà N2 phải trả cho bà phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế diện tích 38m<sup>2</sup>, không yêu cầu Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N2.

- *Bà Phạm Mỹ N2 trình bày:*

Nguồn gốc đất trước đây là của ông Phạm Hồng Lạc. Năm 1999 ông Lạc chuyển nhượng cho em của bà là Phạm Hồng Lực diện tích ngang mặt tiền 13m, chiều dài 18m, chiều ngang mặt hậu là bao nhiêu thì bà không biết. Ông Lực đứng tên trên giấy nhượng đất nhưng khi đó ông Lực còn nhỏ bà và ông Lực ở chung nhà là chị em ruột nên cùng quản lý sử dụng chung. Thời gian nào bà không nhớ ông Lực có gia đình ở riêng nên để lại cho bà sử dụng cùng chồng là ông Huỳnh Tuấn K, con là Huỳnh Vũ P, dâu là Nguyễn Thị B2, cho đến ngày 22/02/2005 bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi nhận chuyển nhượng đất của ông Lạc thì ông Lạc có đo đạc và chỉ ranh cụ thể, sau đó bà sang lại cho hai người khác hai nền đất diện tích ngang 09m mặt tiền, chiều dài từ tiền đến hậu không xác

định bao nhiêu mét, phần đất mặt tiền còn lại ngang 4m bà quản lý sử dụng cho đến nay và có cắm cột mốc ở mặt tiền (nay giáp lộ xe Đầm Dơi-Cà Mau). Đối với việc bà thực hiện các thủ tục cấp quyền sử dụng không có hộ bà N1 ký tên giáp ranh là do khi đó anh Lâm Vũ Anh là con ruột của bà N1 đã cất nhà ở trên đất (vị trí này nay là trại giống An Diện) nhưng vào thời điểm sang đất của ông Lạc cũng như làm quyền sử dụng thì anh Vũ Anh không có nhà, các phía tiếp giáp còn lại có ký giáp ranh. Khi bà làm các thủ tục cấp quyền sử dụng thì có làm thủ tục cấp luôn phần đất phía sau bà sang thêm của ông Phạm Văn Thê. Tổng diện tích được cấp là 3.942m<sup>2</sup>. Năm 2018, bà và bà N1 thỏa thuận cắm cột mốc phía sau hậu, ngoài ra không có cắm cột mốc nào khác. Bà xác định bà sang đất của ông Lạc mặt tiền là 13m, sau khi trừ diện tích đất sang cho hai người khác là 09m (không nhớ họ tên cụ thể) thì còn lại mặt tiền của bà là 4m. Bà xác định không lấn đất bà N1 nên không đồng ý theo yêu cầu của bà N1.

- Ủy ban nhân dân huyện Đầm D, ông Lâm Thanh B1: Không trình bày ý kiến trong vụ án và có đơn từ chối tham gia giải quyết vụ án.

- Anh Lâm Vũ E và chị Lâm Thanh T trình bày: Theo nguồn gốc đất bà Phạm Thị N1 trình bày và yêu cầu là đúng, anh Vũ Em và chị T nay còn chung hộ khẩu và cùng quản lý phần đất của bà N1. Anh chị thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà N1, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

- Ông Huỳnh Tuấn K trình bày: Về nguồn gốc đất theo như nội dung trình bày của bà N2 là đúng. Ông và bà N2 cùng quản lý sử dụng phần đất tranh chấp từ khi nhận chuyển nhượng cho đến nay. Nay ông xác định bà N2 không lấn đất của bà N1 nên yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của bà N1, giữ nguyên diện tích đất cho vợ chồng ông quản lý sử dụng.

- Anh Huỳnh Vũ P trình bày: Anh Ph đã có gia đình riêng và đi làm xa nhà. Tuy nhiên anh P yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Phạm Thị N1 vì phần đất cha mẹ anh chuyển nhượng lại hợp pháp từ chủ sở hữu khác như bà N2 đã có đơn giải trình gửi cho Tòa án.

- Chị Nguyễn Thị B2 trình bày: Chị B2 yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Nành về việc yêu cầu bà Phạm Mỹ N2 phải trả cho bà diện tích đất ngang 04m dài 19m, tổng diện tích 76m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Tân Điền, xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi vì phần đất này bà N2 chuyển nhượng hợp pháp từ các chủ sở hữu khác như bà N2 đã có đơn giải trình gửi Tòa án.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 154/2019/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:*

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N1 về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Mỹ N2 diện tích 3.942m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 123 tọa lạc tại ấp Tân Điền, xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N1. Buộc hộ gia đình bà Phạm Mỹ N2 gồm bà Phạm Mỹ N2, ông Huỳnh Tuấn K, anh Huỳnh Vũ P, chị Nguyễn Thị B2 phải có nghĩa vụ giao trả cho bà Phạm Thị N1 diện tích đất được xác định theo biên bản thẩm định và sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 08/8/2018,

gồm các điểm M11, M12, M13, M14 có diện tích là 38m<sup>2</sup> (ba mươi tám mét vuông) tọa lạc ấp Tân Điền, xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau có các hướng tiếp giáp: Hướng Đông gồm các điểm M13, M14 dài 10,6m giáp đất còn lại của bà Phạm Thị N1; Hướng Tây gồm các điểm M11M12 dài 11,9 m giáp phần đất bà Nguyễn Mỹ Nhanh; Hướng Nam gồm các điểm M12M13 dài 3,1m giáp phần đất bà Phạm Mỹ N2; Hướng Bắc gồm các điểm M11M14 dài 3,8m giáp Lộ xe Đầm Dơi đi Cà Mau.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 28/11/2019, bà Phạm Mỹ N2 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người đại diện hợp pháp của bà N2 thay đổi yêu cầu kháng cáo của bà N2, yêu cầu huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Anh Ph phát biểu: Nguồn gốc đất là của ông Phạm Văn Lực chuyển nhượng cho ông Lạc, nhưng quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không đưa ông Lực tham gia tố tụng; lời khai anh Nguyễn Văn Triều ngày 02/10/2018 là không khách quan; Công văn số 1139/UBND-VP ngày 01/4/2019 của UBND huyện Đầm Dơi xác định phần đất tranh chấp nằm trong QSDĐ cấp cho bà N1 là chưa phù hợp; án sơ thẩm nhận định cho rằng đất bà N2 dư so với QSDĐ được cấp, đất bà N1 thiếu so với QSDĐ được cấp để chấp nhận yêu cầu của bà N1 là chưa phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm.

Bà N1 phát biểu: Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm, không có ý kiến tranh luận.

Chị T, ông K không phát biểu tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Mỹ N2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Phạm Thị N1 khởi kiện yêu cầu bà Phạm Mỹ N2 trả lại diện tích đất lấn chiếm theo đo đạc thực tế 38m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Tân Điền, xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi. Bà N2 xác định phần đất tranh chấp là của bà N2, bà N2 không có lấn chiếm đất của bà N1 nên không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của bà N1. Do bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N1, buộc bà N2 trả lại diện tích đất tranh chấp nên bà N2 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N1. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của bà N2 thay đổi yêu cầu kháng cáo của bà N2, yêu cầu huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm. Xét kháng cáo của bà Phạm Mỹ N2, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Theo đo đạc thực tế, phần đất tranh chấp có diện tích 38m<sup>2</sup> ranh giới, kích thước: ngang mặt tiền hướng Bắc giáp lộ xe Đầm Dơi Cà Mau dài 3,8m; ngang mặt hậu hướng Nam giáp phần đất bà N2 dài 3,1m; chiều dài hướng Đông giáp phần đất bà N1 dài 10,6m; chiều dài hướng Tây giáp phần đất bà N2 dài 11,9m (bao gồm các điểm M11, M12, M13, M14 trên sơ đồ đo đạc). Bà N1 xác định diện tích đất tranh chấp nêu trên là của bà N1, nằm trong diện tích đất bà được cha mẹ để lại. Bà N2 xác định là của bà N2, nằm trong diện tích đất ông Phạm Văn Lực nhận chuyển nhượng của ông Phạm Hồng Lạc vào năm 1999, ông Lực để lại cho bà sử dụng.

[3] Theo bà N2 trình bày ông Lực nhận chuyển nhượng đất của ông Lạc chiều ngang mặt tiền là 13m, chiều ngang mặt hậu là 18m, dài từ tiền đến hậu không xác định bao nhiêu mét. Sau đó bà N2 chuyển nhượng lại cho hai người khác 02 nền nhà ngang 09m mặt tiền, chiều dài từ tiền đến hậu; phần mặt tiền còn lại ngang 04m bà quản lý sử dụng cho đến nay.

[4] Tại đơn xin nhượng đất của ông Lạc ngày 08/9/1999 thể hiện nội dung “*Tôi đứng tên Phạm Hồng Lạc cư ngụ tại ấp Tân Điền, xã Tân Duyệt Đầm Dơi xin nhượng lại cho cháu Phạm Văn Lực một cái nền nhà chiều ngang 13 thước chiều lộ xe vô 18 thước...*”; đơn xin chuyển nhượng có chính quyền địa phương và một số người dân ký xác nhận. Ngược lại, tại biên bản ghi lời khai ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi thì ông Phạm Hồng Lạc và bà Trần Hồng Tặng (vợ ông Lạc) xác định năm 1999 ông Lạc có chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Lực một nền nhà ngang mặt tiền (nay giáp lộ xe Đầm Dơi-Cà Mau) là 09m, mặt hậu là 13m, chiều dài là 18m. Xét lời trình bày của ông Lạc và bà Tặng ngày 27/9/2018 là trái với nội dung đơn xin nhượng đất ngày 08/9/1999. Do đó, lời trình bày của bà N1 cho rằng ông Lạc chuyển nhượng cho ông Lực phần đất chiều ngang mặt tiền 13m là có cơ sở.

[5] Tuy nhiên, trong quá trình ông Lực quản lý sử dụng đến khi chuyển giao lại cho bà N2 thì phần đất đã có thay đổi. Theo trích lục bản đồ địa chính ngày 31/5/2004, phần đất bà N2 sử dụng gồm 02 thửa: thửa số 463 (là vị trí phần đất ông Lực chuyển nhượng của ông Lạc, tiếp giáp lộ xe) diện tích 202m<sup>2</sup> và thửa số 123 (vị trí nằm phía sau thửa số 463) diện tích 4.100m<sup>2</sup>; đồng thời theo biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất do Phòng Kinh tế huyện Đầm Dơi xác định ngoài thực địa để cấp quyền sử dụng đất cho bà N2 thể hiện phần mặt tiền của thửa 463 tiếp giáp lộ xe có kích thước chiều ngang (M<sub>9</sub>M<sub>1</sub>) là 9,0m (biên bản này bà N2 có ký tên). Bà N2 được Ủy ban nhân dân huyện Đầm D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/6/2004, diện tích 4.302m<sup>2</sup> (thửa số 463 diện tích 202m<sup>2</sup>; thửa số 123 diện tích 4.100m<sup>2</sup>). Bà N2 không có khiếu nại gì về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà đối với các thửa đất nêu trên.

[6] Ngày 09/6/2004, bà N2 chuyển nhượng cho Đỗ Hoàng Đông phần đất, mặt tiền giáp lộ xe kích thước ngang 4,5m; chiều dài hết thửa số 463 và một phần thửa 123, diện tích 180m<sup>2</sup>, được chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất của bà N2 đứng tên ngày 18/6/2004. Đến ngày 17/01/2005, bà N2 tiếp tục chuyển nhượng cho ông Trần Thanh Văn phần đất, mặt tiền giáp lộ xe kích thước ngang 4,5m; chiều dài hết thửa số 463 và một phần thửa số 123, diện tích 180 m<sup>2</sup>. Như vậy, qua

02 lần chuyển nhượng bà N2 đã chuyển nhượng hết chiều ngang 09m phần mặt tiền giáp lộ xe của thửa số 463. Đến ngày 22/02/2005, bà N2 được cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ còn lại thửa số 123 diện tích 3.942m<sup>2</sup>, không còn thửa số 463. Theo đo đạc thực tế, phần đất bà N2 đang quản lý sử dụng có diện tích là 5.567,4m<sup>2</sup> (chưa tính phần tranh chấp).

[7] Đối với phần đất bà N1 sử dụng, bà N1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 06/8/2003 thửa số 440 diện tích 2.432m<sup>2</sup> và thửa số 119 diện tích 184m<sup>2</sup>, tổng diện tích 2.616m<sup>2</sup>. Vị trí thửa số 119 nằm ở phía trước thửa số 123 (đất của bà N2) và tiếp giáp với lộ xe Đầm Dơi – Cà Mau. Theo đo đạc thực tế phần đất bà N1 đang sử dụng có tổng diện tích là 2.218,7m<sup>2</sup> (chưa tính phần tranh chấp). Riêng thửa số 119 diện tích đo đạc thực tế bà N1 đang sử dụng là 127,6m<sup>2</sup> (chưa tính phần tranh chấp).

[8] Đồng thời, tại Công văn số 1139/UBND-VP ngày 01/4/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi xác định: Phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích 38,0m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 119, tờ bản đồ số 01, bản đồ 299 trên giấy chứng nhận số X90007, số vào sổ cấp giấy 3477 do Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp cho bà Phạm Thị N1 vào ngày 06/8/2003.

[9] Như vậy, có cơ sở chứng minh phần đất tranh chấp diện tích theo đo đạc 38m<sup>2</sup> nêu trên thuộc quyền sử dụng của bà N1, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N1, buộc bà N2 và những người có liên quan đang quản lý sử dụng đất trả lại cho bà N1 là có căn cứ.

[10] Đối với các căn cứ đại diện bị đơn đặt ra để yêu cầu hủy án sơ thẩm, thấy rằng: Ông Lực nhận chuyển nhượng phần đất của ông Lạc từ năm 1999, ông Lực cùng bà N2 quản lý sử dụng đất, sau đó giao lại cho bà N2 quản lý sử dụng, đến năm 2004 bà N2 đã được cấp quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất giữa bà N1 với bà N2 xảy ra tranh chấp, do bà N1 cho rằng bà N2 lấn chiếm đất của bà N1; án sơ thẩm xác định ông Lực không có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong vụ án nên không đưa ông Lực tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật, không vi phạm tố tụng. Đối với các căn cứ còn lại chỉ là căn cứ để xem xét chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N1. Do đó, không có căn cứ để hủy án sơ thẩm theo yêu cầu của đại diện bị đơn đặt ra.

[11] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Mỹ N2, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[12] Án phí dân sự phúc thẩm bà N2 phải chịu theo quy định pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Mỹ N2.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 154/2019/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N1 về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Phạm Mỹ N2 diện tích 3.942m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 123 tọa lạc tại ấp Tân Điền, xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N1.

- Buộc bà Phạm Mỹ N2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Huỳnh Tuấn K, anh Huỳnh Vũ P, chị Nguyễn Thị B2 phải có nghĩa vụ giao trả cho bà N1 phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế diện tích là 38m<sup>2</sup> tọa lạc ấp Tân Điền, xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau có các hướng tiếp giáp: Hướng Đông gồm các điểm M13, M14 dài 10,6m giáp đất còn lại của bà Phạm Thị N1; Hướng Tây gồm các điểm M11M12 dài 11,9 m giáp phần đất bà Nguyễn Mỹ Nhanh; Hướng Nam gồm các điểm M12M13 dài 3,1m giáp phần đất bà Phạm Mỹ N2; Hướng Bắc gồm các điểm M11M14 dài 3,8m giáp lộ xe Đầm Dơi - Cà Mau.

*(Có sơ đồ đo đạc đất tranh chấp kèm theo).*

- Chi phí tố tụng:

Bà Phạm Thị N1 không phải chịu, bà N1 đã dự nộp số tiền 6.000.000 đồng được nhận lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Bà Phạm Mỹ N2, ông Huỳnh Tuấn K, anh Huỳnh Vũ P, chị Nguyễn Thị B2 phải liên đới chịu số tiền 6.000.000 đồng. Bà N2, ông K, anh P, chị B2 có trách nhiệm nộp số tiền trên tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi để hoàn trả lại cho bà N1.

*Kể từ ngày bà N1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà N2, ông K, anh P, chị B2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị N1 không phải chịu. Bà Phạm Mỹ N2, ông Huỳnh Tuấn K, anh Huỳnh Vũ P, chị Nguyễn Thị B2 phải liên đới chịu số tiền 2.470.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm bà N2 phải chịu số tiền 300.000 đồng. Ngày 28/11/2019 bà N2 đã dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009979 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi ;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Lập**